

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam diễn biến giằng co và giảm điểm vào cuối phiên với thanh khoản giảm mạnh

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm theo diễn biến của thị trường cơ sở trước sự dẫn dắt của nhóm vốn hoá lớn

## [Thông tin doanh nghiệp]

ELC, VEA

## [Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị bán hạ tỷ trọng trong các nhịp hồi sớm và khống chế tỷ trọng ở mức an toàn, tương ứng với mức độ chấp nhận rủi ro.

08/09/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,234.60	-0.69
VN30	1,265.57	-0.27
HĐTL VN30F1M	1,264.10	-0.07
HNXIndex	282.15	-0.67
HNX30	504.15	-1.03
UPCoM	90.31	-0.08
USD/VND	23,554	-0.14
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.68	+1
Lãi suất qua đêm (%)	5.61	-12
Dầu (WTI, \$)	81.42	-0.63
Vàng (LME, \$)	1,717.00	-0.08



# Điểm nhấn thị trường

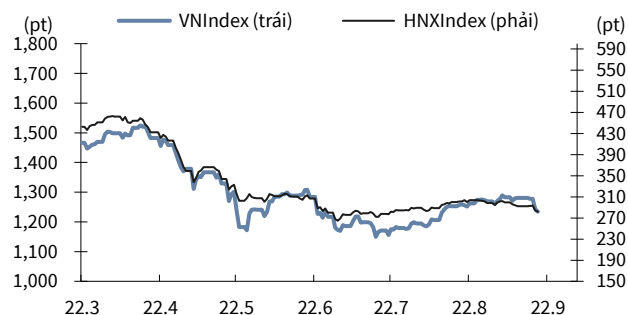
<b>VNIndex</b>	<b>1,234.60 (-0.69%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>599.6 (-20.2%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>612.0 (-29.0%)</b>
<b>HNXIndex</b>	<b>282.15 (-0.67%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>80.5 (-21.7%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>62.2 (-31.0%)</b>
<b>UPCoM</b>	<b>90.31 (-0.08%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>44.5 (-30.9%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>27.9 (-33.3%)</b>
<b>NĐTNN mua ròng (triệu US\$)</b>	<b>+3.5</b>

TTCK Việt Nam diễn biến giằng co và giảm điểm vào cuối phiên với thanh khoản giảm mạnh. Nhóm cổ phiếu ngân hàng và dầu khí dẫn dắt đà giảm trong khi nhóm bán lẻ giao dịch tích cực hơn thị trường chung đóng vai trò là lực đỡ cho thị trường. Khối ngoại quay trở lại mua ròng, tập trung ở HPG (+0.4%), DGC (+2.7%), NLG (+1.3%).

Giá gạo 5% tấm của Việt Nam hiện xuống 390-393 USD một tấn, giảm 25 USD so với tháng trước, thấp hơn gạo Thái Lan do nhu cầu yếu và nguồn cung dồi dào từ thu hoạch vụ Hè Thu. Thông tin trên tác động tiêu cực đến cổ phiếu nhóm gạo ở LTG (-2.8%), TAR (-1.2%).

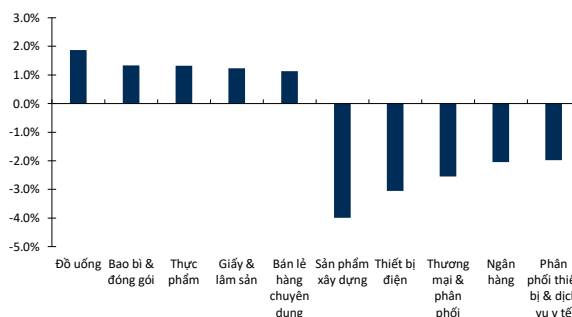
Giá dầu thế giới giảm mạnh trước lo ngại suy thoái gia tăng sau khi nhiều ngân hàng trung ương lớn trên thế giới sẽ tiếp tục tăng lãi suất trong tháng 9 khiến cổ phiếu dầu khí giảm giá ở BSR (-2.8%), PVS (-2.3%).

## VNIndex & HNXIndex



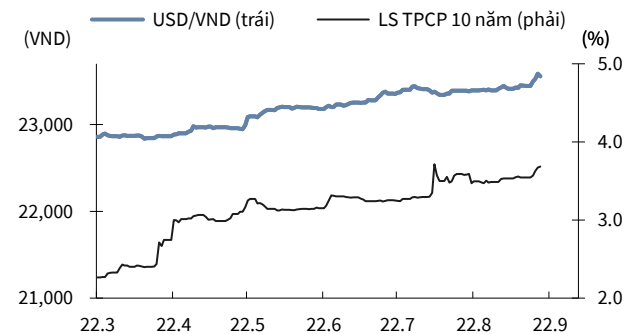
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



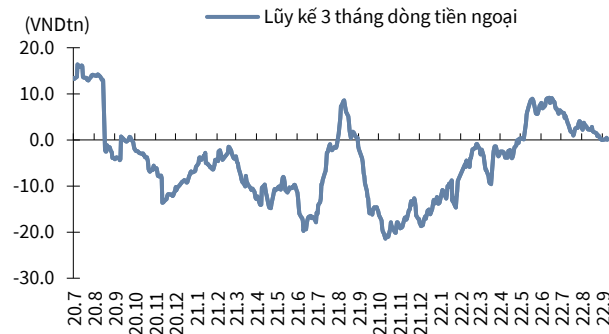
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



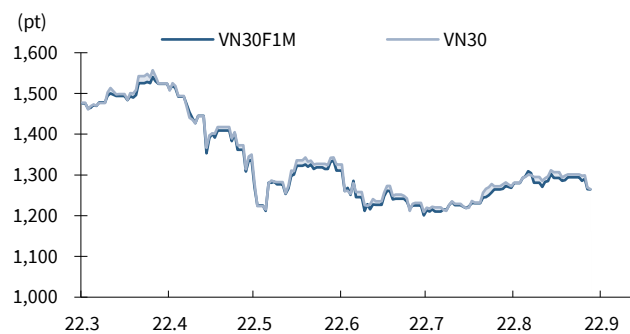
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,265.57 (-0.27%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,264.1 (-0.07%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,269.5</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,275.6</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,263.4</b>
<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>301,199 (+18.5%)</b>

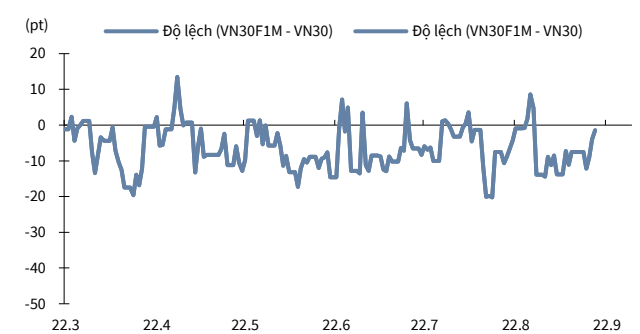
Các HĐTL giảm điểm theo diễn biến của thị trường cơ sở trước sự dẫn dắt của nhóm vốn hoá lớn. Chênh lệch F2209 và chỉ số VN30 mở cửa cao nhất phiên ở mức + 3.15 điểm, sau đó đảo chiều và biến động mạnh với biên độ âm suốt phiên, trước khi đóng cửa ở mức - 1.47 điểm. Khối lượng giao dịch tăng mạnh.

## HĐTL VN30F1M & VN30



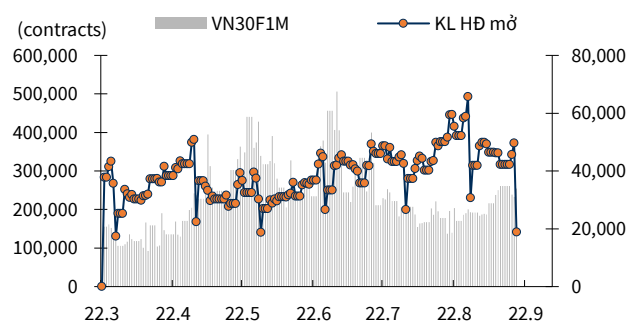
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



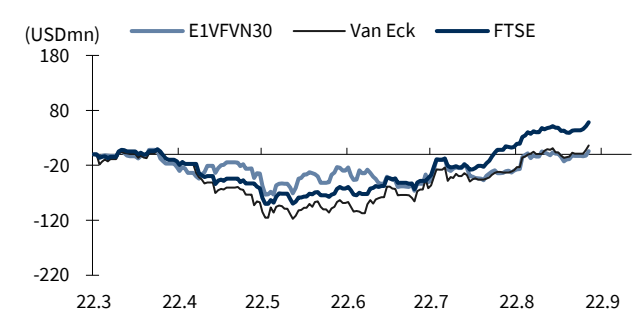
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

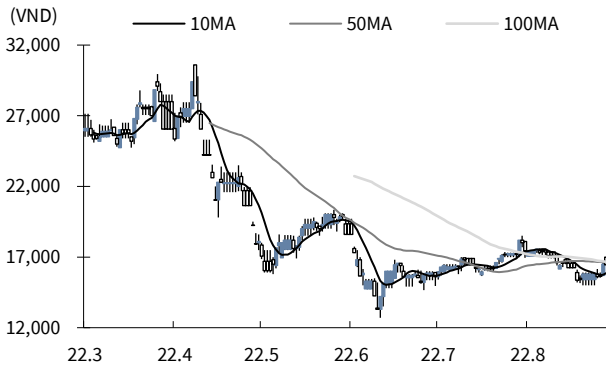
## Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

## CTCP Công nghệ - Viễn thông ELCOM (ELC)

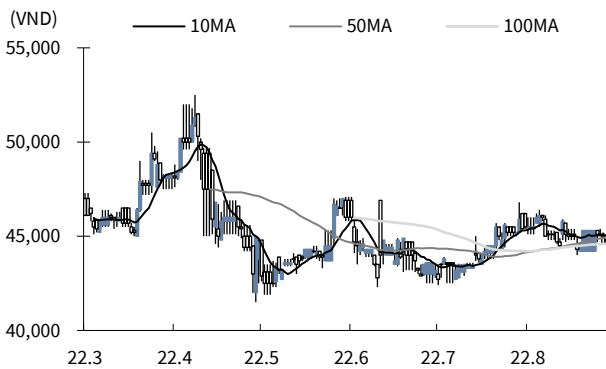


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- ELC giảm 0.3% xuống 16,450 VND/cp

- Elcom thông báo chào bán 11.2 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, giá 11,500 đồng/cp, tỷ lệ thực hiện quyền là 22% và phát hành 7.6 triệu cổ phiếu thưởng từ nguồn vốn chủ sở hữu, tương ứng tỷ lệ 15%. Vốn điều lệ dự kiến tăng từ 509 tỷ đồng lên hơn 697 tỷ đồng để bổ sung vốn lưu động và đầu tư nghiên cứu công nghệ, mở rộng sản xuất kinh doanh.

## TCT Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (VEA)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VEA giảm 0.45% xuống 44,600 VND/cp

- VEAM lên kế hoạch lợi nhuận giai đoạn 2021-2025 với lợi nhuận sau thuế 27,992 tỷ đồng, giá trị sản xuất công nghiệp sẽ đạt 18,854 tỷ đồng và tổng doanh thu 50,764 tỷ đồng. Theo đó, lợi nhuận sau thuế tăng bình quân 5-8%/năm và doanh thu sản xuất công nghiệp tăng trưởng bình quân 8-10%/năm.



# CTCP FPT (FPT)

## Tăng cường hợp tác với các đối tác lớn

Chuyên viên phân tích  
Nguyễn Anh Tùng  
tungna@kbsec.com.vn

07/09/2022

**2Q2022, LNST đạt 1,251 tỷ VND, tăng 25.1% YoY**

2Q2022, FPT tiếp tục có mức tăng trưởng ấn tượng với doanh thu đạt 10,096 tỷ VND, tăng 16.8% YoY. Trong đó khối Công nghệ tăng 14.5% YoY, khối Viễn Thông tăng 12.7% YoY và khối Giáo dục & Đầu tư tăng 66.9% YoY; LNST 2Q2022 đạt 1,251 tỷ VND, tăng 25.1% YoY.

**Doanh thu mới 1H2022 tăng 39.9% YoY. FPT đang đẩy mạnh hợp tác với các đối tác lớn**

Doanh thu ký mới 1H2022 của khối dịch vụ CNTT nước ngoài đạt 11,681 tỷ VND, tăng 39.9% YoY, cao gấp đôi so với mức tăng trưởng của năm 2021 là 18.7%. Trong tháng 8, FPT đồng loạt ký kết hợp tác chiến lược với NCS – công ty thành viên của Singtel Group và Shinseggae I&C – công ty công nghệ bán lẻ toàn cầu trực thuộc tập đoàn Shinseggae Hàn Quốc sẽ là động lực để FPT đẩy mạnh phát triển tại thị trường Đông Nam Á và Hàn Quốc.

**Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động chuyển đổi số trong nước**

Doanh thu chuyển đổi số tính đến 7M2022 đạt 4,113 tỷ VND. Ngày 4/8/2022, FPT cùng NHTMCP Tiên phong (TPB) đã chính thức ký kết hợp tác chiến lược nhằm chuyển giao công nghệ, giải pháp số, thúc đẩy công cuộc số hóa. Bên cạnh đó, trong ngày 2/8 và 18/8/2022, FPT lần lượt ký kết thỏa thuận hợp tác chuyển đổi số toàn diện với tỉnh Nam Định và tỉnh Thừa Thiên Huế.

**Khuyến nghị MUA – giá cổ phiếu 114,200 đồng/cổ phiếu**

Dựa trên kết quả định giá, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các yếu tố rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu FPT. Giá mục tiêu là 114,200 VND/cp, cao hơn 36.0% so với giá tại ngày 07/09/2022.

## Mua

Giá mục tiêu	VND 114,200
Tăng/Giảm	36.0%
Giá hiện tại (7/9/2022)	VND 84,000
Giá mục tiêu thị trường	VND 109,683
Vốn hóa thị trường (Tỷ VND)	92,150

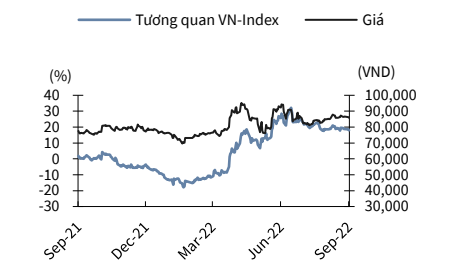
Dữ liệu giao dịch	
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	87.1%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VNĐ/triệu USD)	212/9.04
Sở hữu nước ngoài (%)	49%
Cơ cấu cổ đông	Trưởng gia Bình (7.05%)

Biến động giá cổ phiếu				
(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	1	-4	14	14
Tương đối	-1	-9	26	18

### Dự phóng KQKD & định giá

Cuối năm tài chính	2020	2021	2022F	2023F
Doanh thu thuần (Tỷ VND)	29,830	35,657	44,495	53,645
Tốc độ tăng trưởng(%)	7.6%	19.5%	24.8%	20.6%
Lợi nhuận gộp(tỷ VND)	11,814	13,632	17,353	20,921
Biên lợi nhuận gộp (%)	39.6%	38.2%	39.0%	39.0%
Lợi nhuận ròng (tỷ VND)	3,538	4,337	5,501	6,645
Tốc độ tăng trưởng(%)	12.8%	22.6%	26.8%	20.8%
EPS (VND)	4,513	4,779	5,014	6,058
Tăng trưởng EPS	-2.4%	5.9%	4.9%	20.8%
P/E	19.1	18.0	17.2	14.2

Nguồn: Bloomberg, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KBSV

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



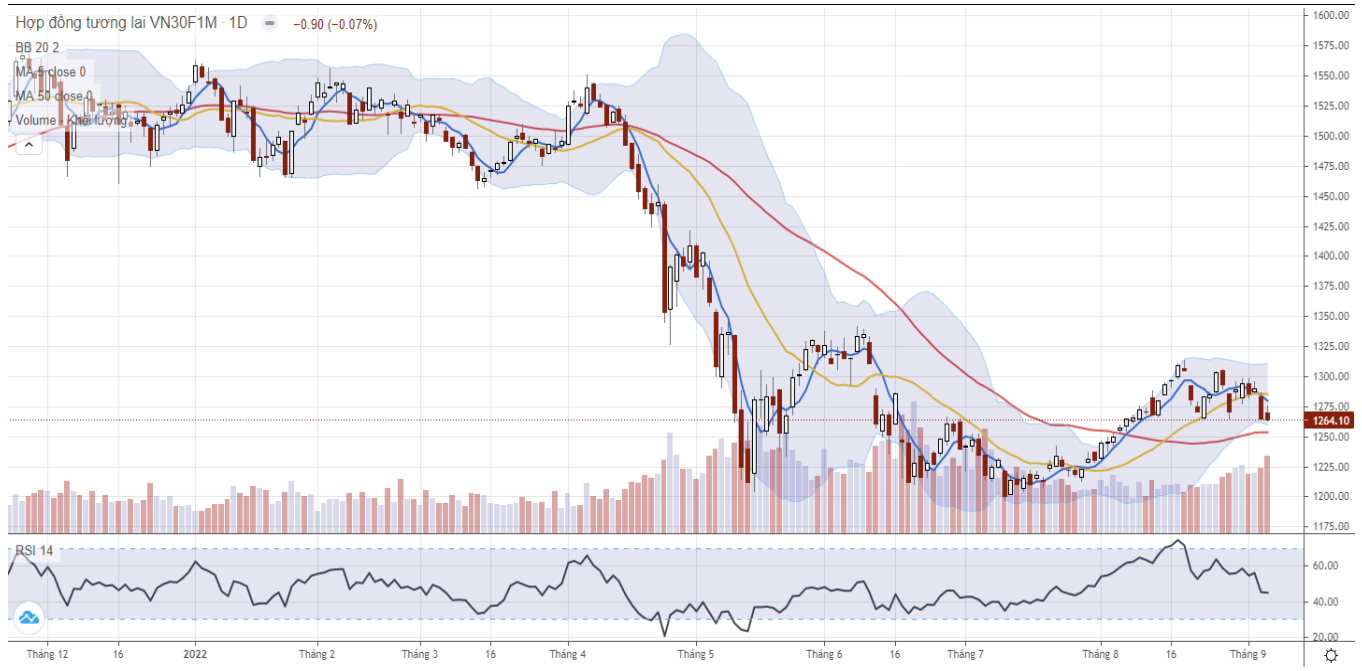
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex diễn biến trời sập trong phiên với các nhịp tăng giảm đan xen trước khi lao dốc về cuối phiên.
- Thanh khoản gia tăng trong các nhịp giảm điểm cho thấy bên bán vẫn đang có phần chiếm ưu thế. Chỉ số hiện đang lùi về ngưỡng hỗ trợ gần quanh 121x, tương ứng với đường MA50 và chúng tôi kỳ vọng có thể xuất hiện một nhịp hồi kỹ thuật tại đây. Trong kịch bản tiêu cực, nếu chỉ số trong phiên tiếp theo đóng cửa với một cây nến đỏ thân dài, VNIndex sẽ hình thành mẫu hình 3 con quạ đen và để ngỏ rủi ro điều chỉnh về vùng hỗ trợ sâu hơn.
- NĐT được khuyến nghị bán hạ tỷ trọng trong các nhịp hồi sớm và khống chế tỷ trọng ở mức an toàn, tương ứng với mức độ chấp nhận rủi ro.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1282 - 1285

Kháng cự gần: 1274 - 1277

Hỗ trợ gần: 1252 - 1257

Hỗ trợ xa: 1245 - 1248

- Sau những nỗ lực hồi phục bất thành trong phiên, F1 dần suy yếu và tiếp tục lao dốc về cuối phiên.
- Thanh khoản gia tăng trong các nhịp giảm điểm cho thấy bên bán vẫn đang có phần chiếm ưu thế. Chỉ số hiện đang lùi về ngưỡng hỗ trợ gần quanh 125x, tương ứng với đường MA50 và chúng tôi kỳ vọng có thể xuất hiện một nhịp hồi kỹ thuật tại đây. Trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán tiếp tục chiếm ưu thế, F1 nhiều khả năng sẽ hoàn thiện mẫu hình tam giác hướng xuống và để ngỏ rủi ro điều chỉnh về vùng hỗ trợ sâu hơn.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở SHORT tại các vùng kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục nắm giữ các vị thế SHORT đã mở.

*Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.*

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

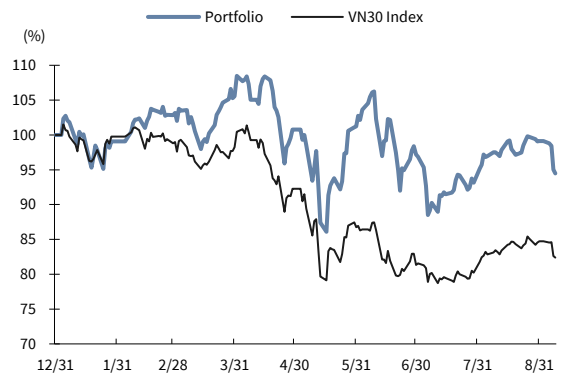
Khởi phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.27%	-0.61%
Tăng lũy kế (YTD)	-17.59%	-5.54%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 08/09/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	71,500	1.1%	85.1%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đạt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Binh Son Refinery (BSR)	30/06/2022	23,900	-1.2%	-16.1%	- Crack spread sẽ tiếp tục được duy trì ở mức cao - Dự án nâng cấp nhà máy đang được xem xét lại phương án đầu tư
Phu Nuan Jewelry (PNJ)	22/03/2019	112,500	1.4%	46.8%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	177,400	0.8%	-7.6%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	81,300	-2.0%	175.0%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	84,300	0.4%	247.5%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	26,850	-1.8%	42.0%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	111,800	-0.2%	52.3%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	23,100	0.4%	107.5%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	30,000	-4.9%	192.0%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam



# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
HPG	0.4%	20.5%	99.8
DGC	2.7%	13.2%	45.7
NLG	1.3%	41.0%	25.6
MSN	2.7%	28.9%	13.6
VND	0.0%	18.7%	11.6

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SSI	-2.2%	35.4%	-34.9
STB	-1.9%	22.8%	-35.0
CTG	-1.8%	26.9%	2.7
DRC	2.3%	8.9%	-7.8
VHM	0.2%	23.2%	-21.5

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VCS	-1.4%	2.9%	0.4
DL1	-3.3%	3.4%	0.4
HMH	0.0%	2.2%	0.3
HLD	1.5%	5.6%	0.2
PVI	-0.4%	58.6%	0.2

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
IDC	0.2%	0.2%	-0.1
API	-9.5%	0.1%	-0.1
HUT	-4.0%	1.0%	-0.1
IDV	-1.6%	19.6%	-0.1
TIG	-2.3%	9.8%	-0.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Cung cấp và dịch vụ thương mại	10.0%	TLG, ILB, APC, ST8
Đồ uống	1.9%	SAB, BHN, SMB, SCD
Tiện ích điện	0.5%	PGV, NT2, PPC, TTA
Kim loại & khai thác	0.4%	HPG, HSG, NKG, KSB
Vật liệu xây dựng	0.0%	HT1, PTB, GAB, ACC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Sản phẩm xây dựng	-12.6%	VGC, BMP, SHI, DAG
Máy móc	-6.8%	TCH, HHS, SRF, SHA
Chứng khoán	-6.5%	SSI, VND, HCM, VCI
Ngân hàng	-6.0%	VCB, BID, VPB, TCB
Dầu, khí và nhiên liệu tiêu hao	-5.6%	PLX, PGC, CNG, GSP

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Cung cấp và dịch vụ thương mại	18.7%	TLG, ILB, APC, ST8
Bán lẻ hàng chuyên dụng	13.9%	MWG, FRT, CTF, HAX
Ngành chưa phân loại	9.8%	CKG, PSH, NHH, ABS
Thực phẩm	6.4%	VNM, MSN, KDC, VHC
Hóa chất	4.8%	GVR, DGC, DPM, DCM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Máy móc	-9.7%	TCH, HHS, SRF, SHA
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	-8.6%	TNH, JVC, VMD
Chứng khoán	-6.7%	SSI, VND, HCM, VCI
Thương mại & phân phối	-6.5%	VPG, TSC, BTT, TNA
Hàng hải	-6.3%	VSC, VOS, SKG, VTO

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	79,370 (3.4)	22.5	27.1	39.4	14.7	7.6	5.4	2.2	2.1	0.6	-1.1	-2.6	-33.9
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	115,047 (4.9)	26.6	8.5	6.9	35.9	21.2	22.0	1.7	1.5	0.2	-0.5	-3.1	-27.3
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	43,090 (1.8)	17.8	25.6	18.3	-7.6	7.6	9.9	1.9	1.8	-0.9	-3.5	-4.5	-9.0
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	254,474 (10.9)	31.3	28.7	24.8	6.7	16.4	16.7	4.2	3.6	1.4	3.4	3.9	-6.6
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	35,015 (1.5)	11.6	18.0	16.7	13.7	13.0	12.8	2.1	1.9	0.6	-5.8	-8.0	-23.4
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	283,645 (12.1)	13.9	14.6	13.3	-	11.5	11.2	-	-	-1.0	-6.2	-9.0	-30.3
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	95,336 (4.1)	6.3	13.7	11.4	11.7	21.8	22.5	2.7	2.2	-2.5	-9.3	-4.9	-1.0
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	67,183 (2.9)	12.7	13.3	10.2	-5.3	17.4	19.9	1.8	1.6	-2.9	-7.8	-5.4	-1.1
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	140,396 (6.0)	0.0	6.0	5.2	14.3	21.1	20.1	1.2	0.9	-0.4	-3.5	-4.6	-25.2
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	107,186 (4.6)	1.4	6.9	5.5	50.3	19.7	22.1	1.2	1.1	-1.8	-5.5	-7.4	-20.8
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	420,924 (18.0)	0.0	7.0	6.9	18.8	20.9	17.3	1.3	1.1	-1.3	-4.6	-0.3	-16.5
	MBB	MILITARY COMMERC	16,173	73,327 (3,187)	230,910 (9.9)	0.0	6.1	5.3	14.6	24.5	23.6	1.3	1.1	-0.9	-3.6	1.0	-5.3
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	74,212 (3.2)	4.2	6.3	5.4	23.3	23.7	21.7	-	-	-2.3	-3.0	2.0	-17.3
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	267,123 (11.4)	14.0	10.6	4.7	26.5	12.0	21.2	1.2	1.0	-1.8	-3.0	-5.5	-24.1
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	45,903 (2.0)	0.0	6.9	5.2	37.4	21.6	22.0	1.3	1.1	-1.5	-3.6	-5.8	-34.5
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	10,519 (0.4)	0.2	-	-	27.3	10.8	-	-	-	1.0	0.5	1.5	-9.1	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	77,094 (3.3)	21.0	19.5	15.9	15.8	9.9	11.5	1.8	1.8	-1.1	-2.4	-4.6	0.0
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	11,446 (0.5)	14.2	15.3	13.7	9.1	12.8	13.6	1.7	1.6	1.8	2.5	4.4	-29.9
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	442,768 (18.9)	55.4	13.2	12.1	-3.2	11.8	12.1	-	-	-2.2	-7.9	10.5	-54.7
	VCI	VIET CAPITAL SEC	21,154	9,108 (396)	251,047 (10.7)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	-3.2	-1.3	3.4	-34.6
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	218,106 (9.3)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	0.6	-5.2	-9.3	-45.6
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	445,400 (19.0)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	0.0	-7.8	-9.7	-39.9
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	207,839 (8.9)	42.1	18.0	16.2	4.0	27.4	29.6	4.6	4.5	0.0	-0.4	4.8	-12.4
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	25,898 (1.1)	36.9	25.4	21.7	7.3	21.8	22.5	5.0	4.5	2.0	2.0	5.9	27.0
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	70,755 (3.0)	16.5	29.2	20.9	-51.9	14.9	17.9	4.3	3.6	2.7	1.1	9.7	-19.3
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	76,690 (3.3)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-4.8	-	-	-51.8
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	74,158 (3.2)	11.0	-	-	-88.5	7.6	18.1	-	-	1.0	-6.0	-8.1	-10.4
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	54,125 (2.3)	10.8	16.3	14.4	-57.0	13.7	14.1	2.1	2.0	-1.3	-4.4	-7.7	1.5
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	189,537 (8.1)	38.4	7.4	39.6	65.7	14.3	2.4	1.0	1.0	-2.7	-5.9	0.9	-53.8
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (91)	54,254 (2.3)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-3.8	-81.5
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	258,402 (11.0)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	-5.0	-7.0	-7.8	-44.4
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	52,933 (2.3)	3.6	266.9	12.7	-52.4	0.2	4.6	-	-	-0.1	-3.6	6.3	-38.8
	REE	REE	51,826	18,419 (800)	100,316 (4.3)	0.0	11.9	11.4	-4.5	16.0	14.8	1.7	1.5	-2.0	-3.6	-0.9	35.3

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)				
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD	
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	58,815 (2.5)	46.1	14.9	15.8	-17.5	24.9	21.3	3.6	3.3	-0.2	-6.0	0.7	16.2	
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	37,206 (1.6)	31.4	10.6	10.3	-10.5	18.2	16.8	1.7	1.6	-1.8	6.4	1.1	3.6	
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	2,146 (0.1)	34.1	21.1	9.5	-5.1	4.7	9.9	1.2	1.1	0.6	3.2	1.1	-25.6	
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	637,214 (27.2)	18.0	5.5	4.8	21.9	22.6	22.5	1.2	1.0	0.4	0.2	-2.1	-35.3	
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	175,896 (7.5)	36.5	4.4	6.9	-0.5	40.0	22.4	1.5	1.4	1.6	-4.9	7.0	4.0	
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	197,229 (8.4)	46.5	6.4	9.1	-4.5	38.3	22.2	-	-	3.1	-2.3	10.0	0.5	
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	281,011 (12.0)	38.9	7.5	6.2	67.9	12.3	13.4	0.8	0.7	-3.3	1.5	0.2	-44.4	
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	51,183 (2.2)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-0.4	-4.6	11.3	-43.8	
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	69,490 (3.0)	4.6	26.4	14.4	-51.0	5.8	10.8	2.1	2.0	-0.5	-5.8	-6.2	-26.2	
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	227,712 (9.7)	39.9	145.6	18.8	-11.9	0.3	4.2	0.7	0.8	-2.8	-	11.1	6.7	-14.5
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	60,656 (2.6)	35.9	8.4	7.8	2.2	15.3	15.5	1.2	1.1	0.0	-4.3	1.0	-11.8	
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	283,095 (12.1)	0.0	17.7	13.8	14.4	25.7	27.2	3.4	2.8	1.1	-2.5	13.7	5.2	
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	66,987 (2.9)	0.0	15.5	13.5	2.4	25.3	22.5	3.1	2.6	1.4	-1.7	-3.6	16.9	
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	3,307 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-4.0	-6.4	-	16.3	-19.2
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	176,237 (7.5)	30.3	18.2	15.1	-75.2	26.8	25.4	4.3	3.3	1.4	-3.1	7.5	29.0	
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	64,102 (2.7)	34.6	9.4	12.7	41.2	30.4	148.1	2.4	1.9	0.5	-5.9	-5.0	-6.7	
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	789 (0.0)	45.4	13.6	12.4	10.7	22.2	21.7	-	-	-0.8	-0.9	-1.2	-20.1	
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-	
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	140,278 (6.0)	0.0	17.2	14.0	15.5	29.3	28.5	4.3	3.4	0.4	-2.4	-2.0	8.8	

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc Khối Phân tích  
binhnx@kbsec.com.vn

### Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu – Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp  
hieudd@kbsec.com.vn

### Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Chuyên viên cao cấp  
tungna@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy – Chuyên viên phân tích  
huynd1@kbsec.com.vn

### Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên cao cấp  
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích  
thuann@kbsec.com.vn

### Dầu khí & Tiện ích

Tiêu Phan Thanh Quang – Chuyên viên phân tích  
quangtpt@kbsec.com.vn

### Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích  
anhntn@kbsec.com.vn

### Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích  
linhpp@kbsec.com.vn

Khối Phân tích  
research@kbsec.com.vn

### Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư  
anhtd@kbsec.com.vn

### Vĩ mô & Ngân hàng

Lê Hạnh Quyên – Chuyên viên phân tích  
quyenlh@kbsec.com.vn

### Chiến lược đầu tư, Hóa chất

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích  
congth@kbsec.com.vn

### Chiến lược đầu tư, Thủy sản & Dệt may

Trần Thị Phương Anh – Chuyên viên phân tích  
anhhttp@kbsec.com.vn

### Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ  
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ  
huongnt3@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

## LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.